

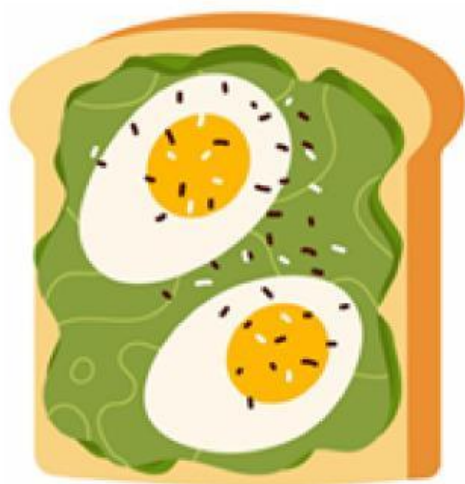
UNIT 5: WHAT DO WE EAT AT DIFFERENT TIME OF THE DAY?

Lesson 21: Project

I. Nội dung buổi học:

- Học sinh củng cố kiến thức thông qua một dự án sáng tạo.
- Học sinh thực hành bày tỏ ý kiến và tôn trọng ý kiến của người khác.
- Học sinh suy ngẫm về những gì trẻ đã học được.

II. Key vocabulary:



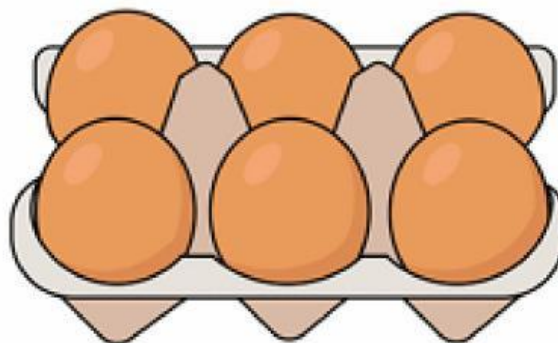
Breakfast
(Bữa sáng)



Lunch
(Bữa trưa)

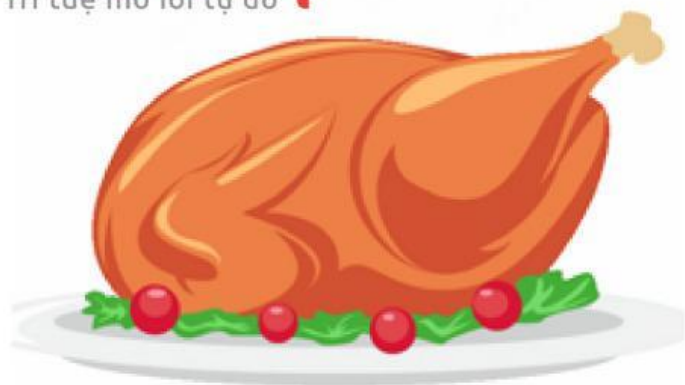


Dinner
(Bữa tối)



Eggs
(Trứng)





Chicken
(Thịt gà)



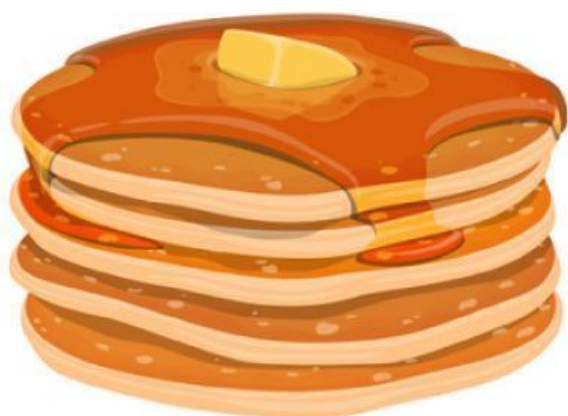
Salad
(Rau củ trộn)



Soup
(Canh súp)



Rice
(Cơm)



Pancake
(Bánh kếp)



Water
(Nước)





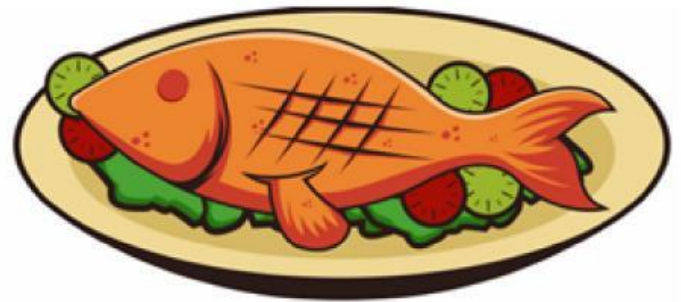
Orange juice
(Nước cam)



Milk
(Sữa)



Cereal
(Ngũ cốc)



Fish
(Món cá)





Strawberries
(Trái dâu)



Morning
(Buổi sáng)



Afternoon
(Buổi chiều)



Evening
(Buổi tối)





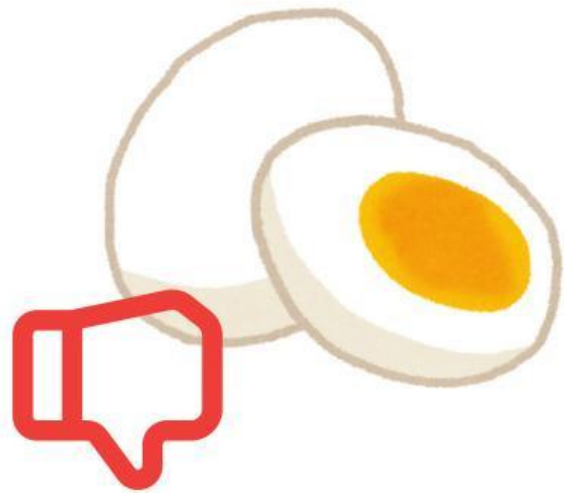
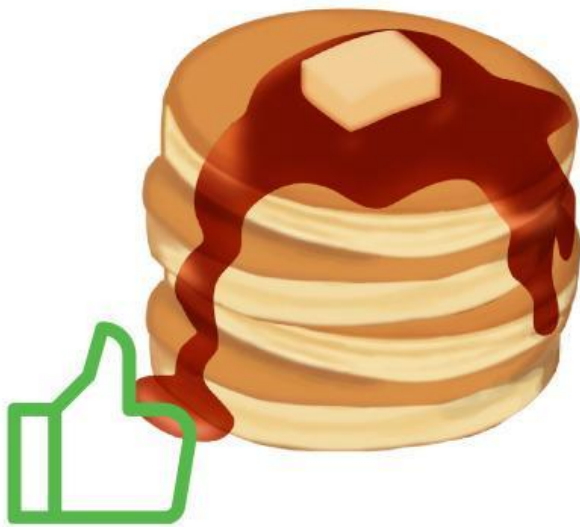
Healthy meal
(Bữa ăn lành mạnh)



Energy
(Năng lượng)



III. Key language:



What food do you like?
I like (pancakes). I don't like (eggs).





What food does she/he like?
She/he likes (rice). She doesn't like (salad).



**I have (milk) for
breakfast.**



I have (soup) for lunch.

